

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA THỂ DỤC THỂ THAO TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TS. Trần Mạnh Hưng, ThS. Ngô Thị Lan Anh
Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Tóm tắt: Trên cơ sở các giải pháp lý luận như định hướng chung, nội dung và các giải pháp chủ yếu đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hoá thể dục, thể thao. Kiểm chứng và đánh giá các tiêu chí đã lựa chọn.

Từ khóa: *Thực trạng, yếu tố ảnh hưởng, giải pháp, xã hội hóa thể dục thể thao.*

Abstract: On the basis of theoretical solutions such as general orientation, contents and major solutions to propose basic solutions to promote the socialization of sports. Verify and evaluate the selected criteria.

Keywords: *Real situation, factors influence, solution, socialization sports.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đà Nẵng là một thành phố trực thuộc Trung ương. Bên cạnh tốc độ phát triển kinh tế và du lịch, nhu cầu vui chơi giải trí tập luyện TDTT cũng được các cấp uỷ, lãnh đạo quan tâm một cách đặc biệt và cơ chế chính sách của Nhà nước về xã hội hoá, ngành TDTT đã xây dựng và triển khai.

Tuy nhiên, nhu cầu này mới chỉ được đáp ứng một phần do các điều kiện về cơ sở vật chất sân bãi, dụng cụ, phương tiện tập luyện, còn thiếu và thô sơ. Mặt khác một bộ phận lớn người dân vẫn coi xã hội hoá TDTT là trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà nước chưa có thái độ và đầu tư đúng đắn cho TDTT. Xuất phát từ những lý do nêu trên chúng tôi tiến hành; ***“Nghiên cứu ảnh hưởng công tác xã hội hoá thể dục thể thao tại thành phố Đà Nẵng”***. Đồng thời tiến hành cụ thể hóa các giải pháp xã hội hóa đã lựa chọn.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn toạ đàm; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp kiểm chứng; Phương pháp toán học thống kê. Chủ thể nghiên cứu là các giải pháp xã hội hóa thể dục, thể thao trên địa bàn Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay. Khách thể nghiên cứu của đề tài

gồm các chuyên gia, cán bộ quản lý trên địa bàn Đà Nẵng.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác xã hội hoá TDTT thành phố Đà Nẵng

Trong quá trình phát triển của TDTT một trong những yếu tố quan trọng là khai thác công tác xã hội hoá TDTT chính là thể mạnh, điều kiện phát triển các mặt của đời sống xã hội về chính trị, lịch sử văn hoá, truyền thống, kinh tế, công tác cán bộ... làm tiền đề phát triển. Bằng phương pháp phỏng vấn thể mạnh đặc trưng trong điều kiện của Đà Nẵng. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở Bảng 1.

Kết quả Bảng 1 cho thấy: Những thể mạnh mà Đà Nẵng quan tâm đồng thời cũng là thể mạnh nổi trội có ý nghĩa thực tế của một thành phố năng động, giàu truyền thống văn hoá, chính trị như: tính Văn hóa truyền thống (84,33%), tính lịch sử (82,84%), sự ủng hộ của người dân (82,84%), khả năng kinh tế (86,56%). Tuy nhiên, một trong những nội dung cần được chú trọng có ý nghĩa quyết định đó là đội ngũ cán bộ (21,65%), công tác tổ chức (27,61%).

Bảng 1. Nội dung TDTT được khai thác tại thành phố Đà Nẵng (n=134)

TT	Nội dung	Mức 1 (Rất tốt)		Mức 2 (Tốt)		Mức 3 (Trung bình)		Mức 4 (Kém)	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Công tác tổ chức	55	41,05	42	31,34	30	22,39	7	5,224
2	Đội ngũ cán bộ	65	48,51	40	29,85	25	18,66	4	2,99
3	Chính trị	67	50,00	35	26,12	29	21,64	3	2,24
4	Văn hoá truyền thống	70	52,24	43	32,09	18	13,43	3	2,24
5	Lịch sử	51	38,06	60	44,78	19	14,18	4	2,99
6	Cơ sở vật chất kỹ thuật	40	29,85	63	47,01	17	12,69	14	10,45
7	Sự ủng hộ của dân	62	46,27	49	36,57	18	13,43	5	3,73
8	Kinh phí	66	49,25	50	37,31	14	10,45	4	2,99

2. Cán bộ quản lý TDTT (quận, huyện, thành phố)

Kết quả phỏng vấn về trình độ phát triển TDTT của Đà Nẵng được trình bày trong Bảng 2 cho thấy: Kết quả đánh giá mức tốt chỉ có 1 người, chiếm tỷ lệ 1,124%. Điều này chứng tỏ rằng, mặc dù số lượng cán bộ được hỏi có tỷ lệ chênh nhau sắp xỉ 1/2 nhưng nhận thức và đánh giá của họ tương đồng nhau. Trong đó số lượng

cán bộ quản lý ở cả 2 đối tượng được hỏi (thành phố và quận, huyện) đánh giá ở mức trung bình vượt quá 50% (27/45 và 45/89) chiếm tỷ lệ 60 và 50,56%. Mức đánh giá là tốt và chưa tốt còn ở mức khiêm tốn, chiếm tỷ lệ 24,44% và 13,33% (cấp Quận, huyện) và 39,33% và 8,989% (cấp thành phố). Trình độ phát triển TDTT ở Đà Nẵng trong những năm qua được thể hiện đạt được ở mức trung bình thấp.

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn cán bộ (quận, huyện, thành phố) về trình độ phát triển TDTT ở Đà Nẵng (n=134)

TT	Đánh giá các mức	Quận, Huyện (n=45)		Thành Phố (n=89)	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Rất tốt	1	2,222	1	1,124
2	Tốt	11	24,44	35	39,33
3	Trung bình	27	60	45	50,56
4	Chưa tốt	6	13,33	8	8,989

3. Các yếu tố kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển TDTT của Đà Nẵng

Những điều kiện đó tác động và ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển TDTT của Đà Nẵng

phần nào cho thấy được bức tranh toàn cảnh của các yếu tố kinh tế, xã hội được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Các yếu tố kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển TDTT ở Đà Nẵng (n = 134)

TT	Các yếu tố ảnh hưởng phát triển TDTT	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Trình độ kinh tế, xã hội, chính trị	68	50,00	52	38,81	12	8,96	3	2,24
2	Quản lý công tác cán bộ	58	43,28	56	41,79	16	11,94	4	2,99
3	Khoa học TDTT	50	37,31	44	32,84	30	22,39	10	7,46
4	Chăm sóc y học TDTT	46	34,33	55	41,04	25	18,66	8	5,97
5	Cơ sở vật chất kỹ thuật	58	43,28	54	40,30	18	13,43	4	2,99
6	Quan hệ các yếu tố	48	35,82	52	38,81	18	13,43	16	11,94
7	Công tác kế hoạch chỉ đạo	72	53,73	42	31,34	16	11,94	4	2,99
8	Văn hóa, văn nghệ	12	8,96	32	23,88	42	31,34	48	35,82
9	Quan hệ quốc tế	15	11,19	34	25,37	46	34,33	39	29,10
10	Dịch vụ kinh doanh	16	11,94	35	26,12	41	30,60	42	31,34
11	Thông tin báo chí	19	14,18	38	28,36	43	32,09	34	25,37

Ghi chú: Mức 1: Rất cần thiết
Mức 2: Cần thiết

Mức 3: Chưa cần thiết
Mức 4: Không cần thiết

4. Những hạn chế, tồn tại trong quá trình phát triển TDTT ở Đà Nẵng

Hạn chế

Bằng phương pháp phỏng vấn trên đối tượng là các lãnh đạo sở, ban ngành các cấp. Kết quả nghiên cứu trong Bảng 4 cho thấy: trong tổng số 7 yếu tố được hỏi hầu hết tập trung vào đánh giá ở mức rất hạn chế và hạn chế là cao, tập trung chủ yếu vào một số yếu tố

như: kinh phí (54,48% và 34,33%); cơ sở vật chất kỹ thuật (50,00% và 29,10%); phương tiện tập luyện (48,5% và 26,87%). Ngoài ra, còn các yếu tố khác như: Công tác chỉ đạo, đội ngũ cán bộ, sự hứng thú của người dân và tình hình kinh tế xã hội địa phương cũng chiếm tỷ lệ cao. Những yếu tố cụ thể ở tầm vĩ mô là những hạn chế nhất định đã được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Hạn chế và tồn tại trong phát triển TDTT Đà Nẵng (n=134)

TT	Các yếu tố ảnh hưởng phát triển TDTT	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Công tác chỉ đạo	51	38,06	44	32,84	24	17,91	15	11,19
2	Kinh phí	73	54,48	46	34,33	10	7,46	5	3,73
3	Đội ngũ cán bộ	53	39,55	42	31,34	31	23,13	8	5,97
4	Cơ sở vật chất kỹ thuật	67	50,00	39	29,10	22	16,42	6	4,48
5	Phương tiện tập luyện	65	48,51	36	26,87	26	19,40	7	5,22

6	Sự hứng thú của cán bộ, nhân dân	38	28,36	42	31,34	45	33,58	9	6,72
7	Tình hình phát triển kinh tế	41	30,60	45	33,58	36	26,87	12	8,96

Ghi chú: Mức 1: Rất hạn chế
 Mức 2: Hạn chế

 Mức 3: Trung bình
 Mức 4: Thuận lợi

Tồn tại

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nền kinh tế Đà Nẵng còn những hạn chế hạn chế như sau:

Công tác quản lý nhà nước đối với thể thao còn hạn chế một số mặt. Chế độ, chính sách đối với lĩnh vực thể thao; công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch ngắn hạn, dài hạn của toàn ngành.

5. Công tác xã hội hoá và kết quả hoạt động TDTT quần chúng của Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016

Thành phố đã ra quyết định thành lập và chỉ định Ban Chấp hành của 05 Liên đoàn thể thao

cấp thành phố là: Liên đoàn Bóng đá, Liên đoàn Cầu lông, Liên đoàn Quần vợt, Liên đoàn Cờ, Liên đoàn Võ thuật. Sau 5 năm hoạt động các Liên đoàn đã tổ chức và phối hợp với sở Văn hóa, thể thao tổ chức một số hoạt động thi đấu thể thao và giải thể thao cấp Thành Phố.

Hoạt động của trên 800 hội và câu lạc bộ, điểm tập TDTT các cấp thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Từ hoạt động hiệu quả của các Liên đoàn; Hội, CLB bộ đã tranh thủ được sự ủng hộ của các nhà tài trợ cho tổ chức hoạt động TDTT và thi đấu thể thao. Thông qua hình thức này đã huy động được nguồn kinh đáng kể phục vụ phong trào TDTT quần chúng của Đà Nẵng.

Bảng 5. Kết quả hoạt động Thể dục thể thao quần chúng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn thực hiện				
			2012	2013	2014	2015	2016
1	Tỷ lệ số dân tập TT thường xuyên	%	24,4	25,7	26,5	27,1	30
2	Tỷ lệ hộ gia đình TT	%	15,5	17,3	19,6	21,8	22
3	Tỷ lệ số trường phổ thông thực hiện tốt công tác GDTC bắt buộc	%	95	100	100	100	100
4	Tỷ lệ số trường tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá thường xuyên	%	45,7	52,9	60,9	65,5	75
5	Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ, công an khoẻ	%	90	91,2	93,2	94	95
6	Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ, bộ đội khoẻ	%	93,9	94,1	95,7	96,2	98
7	Số CLB, điểm tập cơ sở	Đơn Vị	415	520	615	789	825
8	Số giải TT các cấp	Giải	19	22	21	25	25
	Thành phố	Giải	11	20	15	20	20
	Quận, huyện	Giải	80	85	90	95	100
	Xã, phường, thị trấn	Giải	5	10	15	20	25
9	Số môn thể thao	Môn	15	17	19	20	20

Tóm lại trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng uỷ, chính quyền các cấp, cùng với sự nỗ lực vì sự nghiệp TDTT của thành phố, phong trào tập luyện TDTT của các quận, huyện trong toàn thành phố đã được tăng lên.

Song, sự phát triển của phong trào TDTT chưa thật nhanh và mạnh, thể hiện qua các chỉ tiêu như: Tỷ lệ số người tập thể thao, tỷ lệ gia đình thể thao trong những năm qua tăng chậm theo từng năm. Mặt khác, số lượng vận động viên được phong cấp cũng như số huy chương đạt được qua các giải cũng ổn định, chưa thực sự đảm bảo được yêu cầu của sự nghiệp xã hội hoá TDTT. Vì vậy trong quá trình thực hiện xã hội hoá TDTT cần phải có sự quan tâm phối hợp thường xuyên của rất nhiều các sở, ban, ngành có liên quan.

6. Lựa chọn và đề xuất giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa TDTT Thành Phố Đà Nẵng

Để lựa chọn và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh công tác xã hội hóa TDTT, đề tài tiến hành các bước sau:

Xác định các nguyên tắc lựa chọn giải pháp phát triển phong trào TDTT quần chúng và công tác xã hội hóa thể thao.

Phòng vấn các chuyên gia để lựa chọn các nhóm giải pháp phát triển phong trào TDTT và công tác xã hội hóa thể thao.

Những nguyên tắc lựa chọn giải pháp phát triển phong trào TDTT và công tác xã hội hóa thể thao.

Trên cơ sở các nguồn tư liệu trong và ngoài nước cùng với các nguyên tắc quản lý và phát triển phong trào TDTT và công tác xã hội hóa thể thao, trong điều kiện thực tiễn ở nước ta, đề tài xác định 3 nguyên tắc cần tuân thủ trong việc lựa chọn giải pháp phát triển phong trào TDTT và công tác xã hội hóa thể thao.

Nguyên tắc 1: Giải pháp phải phù hợp với thực tiễn; Nguyên tắc 2: Giải pháp mang tính khả thi; Nguyên tắc 3: Các giải pháp phải được lựa chọn một cách có chọn lọc.

Nội dung và các giải pháp chủ yếu:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ và mục tiêu phát triển công tác xã hội hoá TDTT trong thời gian tới, khắc phục những tồn tại, hoàn thiện những yếu tố thúc đẩy sự phát triển của TDTT, đề tài tiến hành phỏng vấn chuyên gia nhằm trưng cầu ý kiến lựa chọn giải pháp xã hội hóa và phát triển phong trào TDTT quần chúng thành phố Đà Nẵng. Cùng với việc tuân thủ các nguyên tắc lựa chọn giải pháp, đề tài xác định sơ bộ được 6 nhóm giải pháp cơ bản nhằm phát triển công tác xã hội hóa và phát triển phong trào TDTT quần chúng Thành Phố Đà Nẵng bao gồm: Nhóm 1) Quán triệt đầy đủ các định hướng và chỉ đạo về công tác TDTT của Đảng, Nhà nước và của ngành. Nhóm 2) Các giải pháp về cơ cấu tổ chức, quản lý TDTT của sở Văn hóa, Thể thao Thành Phố Đà Nẵng. Nhóm 3) Phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất là điều kiện phát triển TDTT. Nhóm 4) Cần có sự quan tâm hơn nữa đối với sự phát triển của TDTT quần chúng và TT thành tích cao tạo sự ổn định cho những năm tới. Nhóm 5) Khai thác tạo nguồn kinh phí. Nhóm 6) Cần quan tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

Số lượng chuyên gia được lựa chọn gồm 50 người, đây là các cán bộ lãnh đạo và quản lý TDTT của thành phố và quận, huyện. Các giải pháp trong mỗi phiếu hỏi theo quy ước mức độ đánh giá tỷ lệ %.

Sau khi phân tích và xử lý các thông tin thu thập được từ các chuyên gia. Kết quả được chúng tôi trình bày ở Bảng 6.

Kết quả ở Bảng 6 cho thấy cả 6 nhóm giải pháp công tác xã hội hóa và phát triển phong trào TDTT quần chúng ở Đà Nẵng đều được các chuyên gia cán bộ quản lý đánh giá ở mức độ cao đạt 75% trở lên. Như vậy, cả 6 nhóm giải pháp này bước đầu đã có những cơ sở khoa học cần thiết để phát triển công tác xã hội hóa và phát triển phong trào TDTT thành phố Đà Nẵng.

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn các nhóm giải pháp xã hội hoá TDTT quần chúng ở Đà Nẵng (n=50)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Số phiếu đánh giá	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Quán triệt đầy đủ các định hướng và chỉ đạo về công tác TDTT của Đảng, Nhà nước và của ngành.	48	96	1
2	Các giải pháp về cơ cấu tổ chức, quản lý TDTT của Sở Văn hóa, Thể thao thành phố Đà Nẵng.	43	86	4
3	Phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất là điều kiện phát triển TDTT.	41	82	5
4	Cần có sự quan tâm hơn nữa đối với sự phát triển của TDTT quần chúng và TT thành tích cao tạo sự ổn định cho những năm tới.	45	90	3
5	Khai thác xã hội hóa, tạo nguồn kinh phí.	47	94	2
6	Cần quan tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học.	39	78	6

Nội dung cụ thể của các giải pháp bao gồm:

Nhóm giải pháp thứ nhất: Quán triệt đầy đủ các định hướng và chỉ đạo về công tác TDTT của Đảng, Nhà nước và của ngành.

Nhóm giải pháp thứ hai: Các giải pháp về cơ cấu tổ chức, quản lý TDTT của Sở Văn hóa, Thể thao thành phố Đà Nẵng.

Nhóm giải pháp thứ ba: Phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất là điều kiện phát triển thể dục thể thao.

Nhóm giải pháp thứ tư: Cần có sự quan tâm hơn nữa đối với sự phát triển của TDTT quần chúng và TT thành tích cao tạo sự ổn định cho những năm tới.

Nhóm giải pháp thứ năm: Khai thác xã hội hóa, tạo nguồn kinh phí.

Nhóm giải pháp thứ sáu: Cần quan tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

7. Các chỉ tiêu đánh giá mức độ xã hội hoá TDTT quần chúng các cấp

Hiện trạng có nhiều loại chỉ tiêu khác nhau ở các lĩnh vực đang được nhiều địa phương sử dụng để thống kê và đánh giá nên cần thống nhất tập trung lựa chọn những nội dung được phần lớn (trên 3/4) số ý kiến đồng ý để áp dụng

và tiếp tục kiểm nghiệm hiệu quả trong thực tiễn trên địa bàn Đà Nẵng. Vì vậy, việc nghiên cứu lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá mức độ xã hội hoá trên cơ sở phân tích đánh giá sát thực và có cơ sở thống nhất có ý nghĩa như những giải pháp có tính định hướng tác động mạnh đến sự phát triển TDTT quần chúng (Bảng 7).

Nhận xét: Các nhà quản lý và chuyên môn đã đánh giá và lựa chọn các chỉ tiêu đặc trưng nhất về mức độ xã hội hoá TDTT quần chúng ở Đà Nẵng biểu hiện ở các nội dung như:

- Tỷ lệ % dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.
- Số cuộc thi đấu thể thao quần chúng trong năm.
- Tỷ lệ % gia đình thể thao so với số hộ.
- Tỷ lệ diện tích đất dành cho TDTT trên tổng diện tích.
- Số đơn vị tổ chức TDTT, cơ sở tập luyện (trong đó tập thể và tư nhân quản lý).
- Đầu tư kinh phí theo người dân cho TDTT.
- Mức độ đáp ứng cơ sở vật chất kỹ thuật cho người tập.

Trong các chỉ tiêu trên có những nội dung đã được lựa chọn tập trung đầu tư và trở thành

những tiêu chí chung đánh giá hàng năm của cả nước và từng địa phương. Song cũng có những tiêu chí đặc trưng đánh giá có hệ thống bắt buộc như: số cuộc thi TDTT quần chúng các cấp;

số người tham gia thi đấu các cấp; số đơn vị tổ chức tập luyện; định mức kinh phí theo đầu người dân.

**Bảng 7. Lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá mức độ xã hội hoá TDTT quần chúng thành phố (n=50)
(Tổng số điểm tối đa = 250)**

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Tổng điểm đánh giá	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Tỷ lệ % dân số tập TDTT thường xuyên	234	97,2	1
2	Tỷ lệ % gia đình thể thao so với số hộ	201	80,4	3
3	Tỷ lệ % diện tích đất dành cho TDTT trên tổng diện tích	195	78	4
4	Mức độ đáp ứng cơ sở vật chất kỹ thuật cho người tập	175	70	8
5	Tỷ lệ, mức độ khai thác các công trình TDTT	172	68,8	9
6	Đầu tư kinh phí theo đầu người cho TDTT	190	76	6
7	Kinh phí ngoài ngân sách tính theo đầu người	165	66	11
8	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách trong ngành với cán bộ kiêm nhiệm TDTT ở các ngành khác	166	66,4	10
9	Số cuộc thi đấu thể thao quần chúng trong năm	203	81,2	2
10	Số người tham gia thi đấu các cấp	188	75,2	7
11	Số đơn vị tổ chức TDTT, cơ sở tập luyện (trong đó tập thể và tư nhân quản lý)	194	77,6	5
12	Những nội dung khác	5	2	12

KẾT LUẬN

1. Trong quá trình thực hiện công tác xã hội hoá TDTT TP Đà Nẵng, thành uỷ, Ủy ban nhân dân và Sở Văn hóa, Thể thao Đà Nẵng đã bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sự phát triển TDTT. Từ đó, đã có những chủ trương, biện pháp kịp thời phát triển công tác xã hội hoá TDTT phù hợp với xu thế chung của cả nước và đặc điểm kinh tế xã hội chính trị, văn hoá của Đà Nẵng. Vì vậy, sự nghiệp TDTT của Đà Nẵng được phát triển đúng hướng, đáp ứng được cơ sở lý luận và thực tiễn.

2. Lãnh đạo, Ủy ban nhân dân và ngành Văn hóa, Thể thao Đà Nẵng đã xác định rõ

những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện xã hội hoá TDTT thành phố như kinh tế, chính trị, xã hội, công tác kế hoạch, công tác cán bộ, cơ sở vật chất kỹ thuật, khoa học TDTT, công tác đối ngoại...

3. Để hiệu quả quản lý đạt kết quả cao thì việc quán triệt và làm đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, một nguyên tắc chủ đạo trong quản lý của Đảng và Nhà nước ta, cần hết sức quan tâm.

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xã hội hoá TDTT trên địa bàn toàn Đà Nẵng, đó là:

- Quán triệt đầy đủ các định hướng và chỉ đạo về công tác TDTT của Đảng, Nhà nước và

của ngành. Kien toan cơ cấu tổ chức, quản lý TDTT Thành Phố Đà Nẵng; Tăng cường cơ sở vật chất là điều kiện phát triển TDTT; Cần có sự quan tâm hơn nữa đối với sự phát triển của TDTT quần chúng và TT thành tích cao tạo sự ổn định cho những năm tới; Khai thác tạo nguồn kinh phí; Cần quan tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

5. Qua nghiên cứu, đã lựa chọn được 06 nhóm giải pháp cơ bản nhằm phát triển công tác xã hội hóa và phát triển phong trào TDTT quần chúng Thành Phố Đà Nẵng bao gồm:

Nhóm 1) Quán triệt đầy đủ các định hướng và chỉ đạo về công tác TDTT của Đảng, Nhà nước và của ngành. Nhóm 2) Các giải pháp về cơ cấu tổ chức, quản lý TDTT của sở Văn hóa, Thể thao thành phố Đà Nẵng. Nhóm 3) Phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất là điều kiện phát triển TDTT. Nhóm 4) Cần có sự quan tâm hơn nữa đối với sự phát triển của TDTT quần chúng và TT thành tích cao tạo sự ổn định cho những năm tới. Nhóm 5) Khai thác tạo nguồn kinh phí. Nhóm 6) Cần quan tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2011), Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 về tăng cường sự Lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Chính phủ (2005), Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế và TDTT.
3. Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020.
4. UBND TP. Đà Nẵng (2010), Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.
5. UBND TP. Đà Nẵng (2010), Quyết định số 7099/QĐ-UBND ngày 17/9/2010 về việc quy hoạch tổng thể ngành văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.
6. Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung (2001), *Giáo trình Xã hội học TDTT*, Nxb TDTT, Hà nội, tr 157, 172.
7. Đặng Quốc Nam (2013), *Giáo trình quản lý TDTT*, NXB TDTT.

Bài nộp ngày 12/6/2017, phản biện ngày 14/8/2017, duyệt in ngày 16/8/2017.